KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO GHÉP 3 + 4 TUỔI
NĂM HỌC 2025 - 2026
MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Dự kiến chủ đề
			Chung	Riêng	
1. Giáo dục phát triển thể chất					
a) Phát triển vận động					
1	3	Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	* 3, 4 tuổi: - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên.	- Tay: Bắt chéo 2 tay trước ngực. - Chân : + Bước lên phía trước, bước sang ngang. + Co duỗi chân.	1 - 9
2	4	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh.	(4t: kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: Ngồi xổm, đứng lên; Bật tại chỗ	- Tay : Vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau. - Chân: + Nhún chân. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối.	1 - 9
3	3	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.		+ Đi kiễng gót. + Đi trong đường hẹp.	1, 2, 4, 6.
4	4	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.		+ Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn	1, 2, 4, 6.

5	3	Kiểm soát được vận động: - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	* 3, 4 tuổi: + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.	+ Đi, chạy thay đổi hướng theo dích dắc	1, 2, 3, 7, 9
6	4	Kiểm soát được vận động: Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 - 5 vật chuẩn đặt dích dắc).			1, 2, 3, 7, 9
7	3	Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm).	* 3, 4 tuổi: + Tung bắt bóng: với cô (với người đối diện). + Ném trúng đích bằng 1 tay.	+ Lăn, đập bắt bóng với cô. + Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc.	3, 5, 6, 8
8	4	Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.		+ Tung bóng lên cao và bắt bóng + Đập bắt bóng tại chỗ. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.	3, 5, 6, 8
9	3	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy được 15 m	* 3, 4 tuổi: + Ném xa bằng 1 tay + Ném trúng đích bằng 1 tay	+ Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm). + Bò theo hướng thẳng, dích dắc.	1 – 9

		liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	+ Trườn theo hướng thẳng. + Bò chui qua cổng + Bật xa (20 - 25; 35 - 40 cm)	+Bò, trườn theo hướng dích dắc. + Trườn về phía trước. + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước.	
10	4	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.		+ Chạy 15m khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60 – 80m. + Ném xa bằng 2 tay + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 - 4m + Bò dích dắc qua 5 điểm + Bò chui qua ống dài 1,2m x 0,6m + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. + Bật liên tục về phía trước. + Bật nhảy từ trên cao xuống (30 - 35cm) + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao (10 - 15cm) + Nhảy lò cò 3m	1 – 9
11	3	Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.		- Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay	1, 4
12	4	Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở, các ngón		- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn,	1, 4

		tay.		nối…	
13	3	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động. - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc.	* 3, 4 tuổi: - Xé. - Cài, cởi cúc	- Đan, tết - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Dán giấy - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc.	3, 4, 8
14	4	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày.		- Gập giấy - Lắp ghép hình - Cắt đường thẳng - Tô, vẽ hình - Xâu, buộc dây	3, 4, 8
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
15	3	Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	* 3, 4 tuổi: Nhận biết một số thực phẩm (3t: và món ăn quen thuộc; 4t: thông thường trong các nhóm thực phẩm trên tháp dinh dưỡng.		2
16	4	Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá,... có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.			2
17	3	Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…		- Nhận biết một số thực phẩm quen thuộc	5

18	4	Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...		- Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn.	5
19	3	Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. *- Quyền được sống: Quyền được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.*	* 3, 4 tuổi: - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…). *- Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.* *- Trẻ được chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ (khám sức khoẻ định kì, tiêm chủng, được phòng và chữa bệnh…).* *- Trẻ được nuôi dưỡng – CS - GD để phát triển toàn diện.*		2
20	4	Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. *- Quyền được sống: Quyền được chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, giáo dục.*			2
21	3	Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo…		- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng	1
22		- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			3
	4	Thực hiện được một		- Tập đánh răng	1

23		số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.		lau mặt - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
24		- Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.			3
25	3	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	* 3, 4 tuổi: - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.		6
26	4	Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.			6
27	3	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	* 3, 4 tuổi: - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. - Nhận biết trang phục theo thời tiết.	2, 8
28	4	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh.		- Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời	2, 8

		Đi dép, giầy khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định.		tiết. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	
29	3	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở. *- Quyền được sống: Quyền sống.*	* 3, 4 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. *- Trẻ được bảo vệ tính mạng, được bảo đảm tốt nhất các điều kiện sống và phát triển;* *- Trẻ thực hành thói quen an toàn cá nhân.*		3
30	4	Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn, không nên nghịch. *- Quyền được sống: Quyền sống.*			3
31	3	Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.	* 3, 4 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn.		8
32	4	Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.			8
33	3	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không tự lấy thuốc uống.	* 3, 4 tuổi: - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		1, 7

		- Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.			
34	4	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.			1
35	4	- Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.			7
2. Giáo dục phát triển nhận thức					

a) Khám khá khoa học					
36	3	Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng. gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	* 3, 4 tuổi: - Chức năng của các giác quan và (3t: một số; 4t: các) bộ phận khác của cơ thể. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây (3t: Cây gần gũi) - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật, cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. - Sự thay đổi bất thường về thời tiết mùa xuân; Đang nóng thì chuyển sang lạnh, nhiệt độ tăng giảm đột ngột - Ảnh hưởng biến đổi khí hậu đến ngày tết; cuối mùa đông đầu mùa xuân không còn lạnh, nhiều ngày nắng dẫn đến hoa nở sớm, thời tiết những ngày nắng cũng dễ làm ôi thiu bánh chưng, giò và các đồ ăn khác - Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động của các phương tiện giao thông; gây ách tắc giao thông, hỏng công trình đường bộ cầu cống, hỏng các phương tiện giao thông.	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	8
37	4	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?” ; “Vì sao lá cây bị ướt?”....		- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	8

38	3	Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Mối quan hệ của thực vật với biến đổi khí hậu và thiên tai + Ảnh hưởng của thiên tai đối thực; làm hoa dập nát, hoa chết, bị chôn vùi, không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh + Ích lợi của thực vật đối với phòng, chống thiên tai; giữ nước, chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường - Mối quan hệ của động vật với biến đổi khí hậu và thiên tai + Ảnh khí hậu và thiên tai đối với đời sống động vật; ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước, giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	5, 6
39	4	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.		- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	5, 6
40	3	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.		- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày.	8
41	4	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.		- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	8
42	3	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.		- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	1, 2, 7
43	4	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét		- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo và cách sử dụng của đồ dùng, đồ	

		và trò chuyện.		chơi quen thuộc. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại 1 – 2 dấu hiệu.	1, 2, 7
44	3	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.		- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	1, 3.
45	4	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.		- Phân loại đồ dùng, đồ chơi 1-2 dấu hiệu.	
46	3	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.			
47	4	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: "Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn".		- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	5, 6
48		Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.			7
49	3	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo			1, 5, 6
50	4	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 – 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống	1, 5, 6

				nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả	
51	3	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...			4, 9
52	4	Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			4, 9
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán					
53	3	Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	* 3, 4 tuổi: Đếm trên đối tượng trong phạm vi (5, 10) và đếm theo khả năng. - Gộp hai nhóm đối tượng và đếm. - Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	- 1 và nhiều	4
54	4	Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: "Bao nhiêu?", "Là số mấy?"...			
55	3	Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.			4, 5, 6, 7, 9
56	4	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.			4, 5, 6, 7, 9
57	3	So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			7, 9
58	4	So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng			7, 9

		nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
59	3	Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.			4, 5, 6, 7, 9
60	4	Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.			4, 5, 6, 7, 9
61	3	Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			4, 5, 6, 7, 9
62	4	Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			4, 5, 6, 7, 9
63		Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.		- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5	6, 9
64	4	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe..)	4, 5
65	3	Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	* 3, 4 tuổi: - Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi.	- Xếp xen kẽ	1
66	4	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại.		- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	1
67	3	So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn /nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.		- So sánh 2 đối tượng về kích thước	8
68	4	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo - Đo dung tích	8

		đo và so sánh.		bằng một đơn vị đo.	
69	3	Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật		- Nhận biết gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.	3
70	4	Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,…).		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	3
71		Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.		- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	3
72	3	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.		- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2
73	4	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.		- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái)	2
74		Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.		- Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	8
C, Khám phá xã hội					
75	3	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi,	* 3, 4 tuổi: - Tên (4t: Họ tên), tuổi, giới tính của		1, 2

		trò chuyện.	bản thân. - Tên (4t: Họ tên) của bố mẹ. - Địa chỉ gia đình. - Tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn. Các hoạt động của trẻ ở trường. - Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu - Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình. - Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.		
76	4	Nói họ, tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		- Đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	1, 2
77	3	Nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.		- Tên của các thành viên trong gia đình.	3
78	4	Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.		- Công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	3
79	3	Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.			3
80	4	Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi trò chuyện.			3
81	3	Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.		- Tên lớp mẫu giáo. - Đồ dùng, đồ chơi của lớp	1
82	4	Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.			1, 2
83		Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.			1
84		Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò		- Một vài đặc điểm của các bạn.	1

		chuyện.			
85	3	Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	* 3, 4 tuổi: - Tên gọi, sản phẩm của (3t: một số, 4t: các) nghề phổ biến.	- Ích lợi của một số nghề phổ biến.	4
86	4	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	- Một số nghề có vai trò, trách nhiệm tham gia vào các công tác phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu; dự báo khí tượng thủy văn, phát thanh viên chương trình dự báo thời tiết, công nhân vệ sinh môi trường, cứu hộ, cứu nạn - Một số nghề khác có mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường (khai thác tài nguyên, sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, nước thải, khí thải của hoạt động sản xuất, sử dụng hóa chất, thuốc kích thích tăng trưởng... là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường, dẫn đến sự biến đổi khí hậu và thiên tai gia tăng).	- Công cụ, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	4
87	3	Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	* 3, 4 tuổi: - Khám phá bản đồ Việt Nam, khí hậu vùng miền (Đồng bằng; ngập úng, lũ lụt. Miền núi; sạt lở đất, xói mòn). *- Trẻ được tôn*	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	1
88	4	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.			1

89	3	Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. *- Quyền được phát triển: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.*	*trọng đặc Điểm và giá trị riêng của bản thân và văn hóa dân tộc.* *- Trẻ được dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc, phát huy truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc mình.*		9
90	4	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. *- Quyền được phát triển: Quyền giữ gìn, phát huy bản sắc.*		- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.	9
3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ					
91	3	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ".	* 3, 4 tuổi: - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, (4t: câu phức). - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?" (4t: "Để làm gì?"). - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. *- Trẻ được bày tỏ ý kiến theo cách hiểu của trẻ.*	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc	2, 6
92	4	Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".			2, 6
93	3	Hiểu nghĩa từ khái quát, gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả…			3, 5
94	4	Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ…			3, 5
95	3	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. *- Quyền được tham gia:* *Quyền bày tỏ ý kiến*			4, 7

96	4	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. - *Quyền được tham gia:* *Quyền bày tỏ ý kiến*		- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. - Nghe hiểu nội dung câu phức - Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	4, 7
97	3	Nói rõ các tiếng.	* 3, 4 tuổi: - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, (3t: câu mở rộng, 4t: câu ghép). - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	- Phát âm các tiếng của tiếng của tiếng Việt	4
98	4	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.		- Phát âm các tiếng có chứa âm khó	4
99	3	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động đặc điểm…			1
100	4	Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,…			1
101	3	Sử dụng được câu đơn, câu ghép.		- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe.	9
102	4	Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.			9
103	3	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..		- Kể lại sự việc	6
104	4	Kể lại sự việc theo trình tự.		- Kể lại truyện đã được nghe - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	6
105	3	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…			1 - 9
106	4	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…			1 - 9

107	3	Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.		- Mô tả sự vật tranh ảnh có sự giúp đỡ.	1, 2, 3, 4, 6
108	4	Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.		- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết	1, 2, 3, 4, 6
109	3	Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.		- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	5, 7, 8
110	4	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.		- Đóng kịch	5, 7, 8
111	3	Sử dụng các từ: "Vâng ạ"; "Dạ"; "Thưa"… trong giao tiếp			1
112	4	Sử dụng các từ như: "Mời cô"; "Mời bạn"; "Cám ơn"; "Xin lỗi"… trong giao tiếp.			1
113	3	Nói đủ nghe, không nói lí nhí			2, 3
114	4	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.			4
115	3	Đề nghị người khác đọc sá ch cho nghe, tự giở sách xem tranh.	* 3, 4 tuổi: - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông; đường cho người đi bộ,...) - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau - Làm quen với	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và "đọc" truyện	3
116	4	Chọn sách để xem.		- Bảo vệ sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	3
117	3	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.		- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - "Đọc" truyện qua các tranh vẽ	4, 9
118	4	Mô tả hành động của các nhân vật			4, 9

		trong tranh.	cách đọc, và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Giữ gìn sách		
119	3	Thích vẽ, 'viết' nguệch ngoặc.			1 - 9
120	4	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt").			4, 6
121		Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,		- Nhận dạng một số chữ cái	2, 9
122		Sử dụng kí hiệu để "viết": tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,…		- Tập tô, tập đồ các nét chữ.	3, 7
4. Giáo dục phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội					
123	3	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	* 3, 4 tuổi: - Tên, tuổi, giới tính. - Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận (4t: ngạc nhiên), qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, (4t: tranh ảnh) - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, (4t: tình cảm phù hợp), qua (3t: nét mặt), cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát vận động; (vẽ, nặn, xếp hình) - Một số quy định ở lớp, gia đình (4t: và nơi công cộng) (để đồ dùng đồ chơi đúng chỗ), (4t: trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Kính yêu Bác Hồ - Quan tâm đến (4t:		1, 2
124	4	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.			1, 2
125	3	Nói được điều bé thích, không thích. *- Quyền được tham gia:* *Quyền được vui chơi, giải trí.*		Những điều bé thích, không thích.	5
126	4	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. *- Quyền được tham gia:* *Quyền được vui chơi, giải trí.*		- Sở thích, khả năng của bản thân	5
127	3	Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.			7

128	4	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích	di tích lịch sử), cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước. - Chờ đến lượt, (4t: hợp tác). - Tiết kiệm điện nước - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra. - Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai. - Khu vực an toàn/ nơi sơ tán gần trường học nhất. *- Trẻ được tự do lựa chọn khu vực chơi, nhóm chơi trẻ thích, được bình đẳng khi chơi.* *- Trẻ được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động; không làm công việc nặng nhọc quá độ tuổi của trẻ. Không bị lạm dụng sức lao động.*		7
129	3	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,…). *Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động.*			6
130	4	Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). *Quyền được bảo vệ: Quyền được bảo vệ để không bị bóc lột sức lao động.*			6
131	3	Nhận ra cảm xúc: vui buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói qua tranh ảnh.			8
132	4	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.			8
133	3	Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn sợ hãi, tức giận.			4
134	4	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.			4
135	3	Nhận ra hình ảnh bác Hồ.			9
136	4	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.			9
137	3	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			9

138	4	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			9
139		Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.			9
140	3	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.		- Yêu mến bố mẹ, anh chị em ruột.	1, 3
141	4	Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.		- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1, 3
142	3	Biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở…		- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn).	8
143	4	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.		- Phân biệt hành vi “đúng” - “sai”, “tốt”- “ xấu”	8
144	3	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt”-“xấu”.	6
145	4	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.		- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép	6
146	3	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.		- Chơi hòa thuận với bạn	5, 7
147	4	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.			3, 7

148	4	Biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật...).		- Quan tâm giúp đỡ bạn.	3, 7
149	3	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.			5, 6
150	4	Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.			5, 6
151	3	Bỏ rác đúng nơi quy định.			1, 3
152	4	Bỏ rác đúng nơi quy định.			1, 3
153		Không bẻ cành, bứt hoa.			5
154		Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.			8
5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ					
155	3	Vui sướng vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của sự vật, hiện tượng.	* 3, 4 tuổi: - Bộc lộ cảm xúc (4t: phù hợp) khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc (3t: gần gũi) và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng thiên nhiên, trong cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca).	3
156	4	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			3
157	3	Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu			4, 6

		chuyện.			
158	4	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.		- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca).	4, 6
159	3	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	* 3, 4 tuổi: - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, (4t: tiết tấu).		1 - 9
160	4	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...		- Thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát.	1 - 9
161	3	Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ).		- Vận đông đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	1 - 9
162	4	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).		- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu các bài hát, bản nhạc.	1 - 9
163	3	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		- Vận động theo ý thích các bài hát/nghe các bài hát bản nhạc quen thuộc.	5, 7
164	4	Lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.		- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc	5, 7
165		Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.		- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát	4, 9
166	3	Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của	* 3, 4 tuổi: - Nhận xét sản phẩm tạo hình (4t:		5

		mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	về màu sắc, hình dáng/ đường nét)		
167	4	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.			5
168	3	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.		- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	9
169	4	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.		- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	9
170	3	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.		- Sử dụng một số kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản	1 - 9
171	4	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		- Sử dụng một số kĩ năng vẽ để tạo ra sản có màu sắc , kích thước, hình dáng/đường nét.	1 - 9
172	3	Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.		- Sử dụng một số kĩ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản	5, 6, 8
173	4	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc,		- Sử dụng các kĩ cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có	5, 6, 8

		bố cục.		màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
174	3	Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.		- Sử dụng một số kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản	2, 3, 4, 5, 6, 7
175	4	Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.		- Sử dụng các kĩ năng nặn hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	2, 3, 4, 5, 6, 7
176	3	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.		- Sử dụng một số kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	4, 7
177	4	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		- Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	4, 7
178	3	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.			3, 9
179	4	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.			3, 9

180	3	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. *- Quyền được phát triển:* *Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.*	* 3, 4 tuổi: - Đặt tên cho sản phẩm của mình. *- Trẻ được lựa chọn, phát triển môn năng khiếu mà trẻ thích.*	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích.	8
181	4	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. *- Quyền được phát triển:* *Quyền được giáo dục, học tập và phát triển năng khiếu.*		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình - Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tao ra sản phẩm theo ý thích.	8
182	3	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.			2, 9
183	4				2, 9

II. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

Thời gian (Tháng, từ ngày 8/9/2025 - 22/5/2026)	**STT**	**Chủ đề**	**Thời gian từng tuần**	**Chủ đề nhánh**	**Số tuần**	**Lễ/hội**	**Điều chỉnh bổ sung**
Tháng 9 (từ ngày 08/9/2025 đến 26/09/2025)	1	Trường mầm non thân yêu (3 tuần)	8/9 – 12/9	- Trường mầm non của bé	1 tuần		
			15/9 – 19/9	- Lớp học của bé	1 tuần		
			22/9 – 26/9	Khu vui chơi và sân trường	1 tuần		
Tháng 9 - 10 (từ ngày 29/09/2025 đến 24/10/2025)	2	Bản thân (4 tuần)	29/9 – 3/10	- Tôi là ai	1 tuần	- Tết trung thu (06/10/2025) - Ngày hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam (20/10/2025)	
			6/10 – 10/10	- Bé vui tết trung thu	1 tuần		
			13/10 – 17/10	- Cơ thể của tôi	1 tuần		
			20/10 – 24/10	- Tôi cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1 tuần		
Tháng 10 - 11 (từ ngày 27/10/2025 đến 21/11/2025)	3	Gia đình (4 tuần)	27/10 – 31/10	- Công việc và những thành viên trong gia đình.	1 tuần	Ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11/2025)	
			3/11 – 7/11	- Ngôi nhà bé yêu	1 tuần		
			10/11 – 14/11	- Đồ dùng trong gia đình của bé	1 tuần		

			17/11 – 21/11	- Ngày nhà giáo Việt Nam	1 tuần		
Tháng 11 - 12 (từ ngày 24/11/2025 đến 19/12/2025)	4	Nghề nghiệp (4 tuần)	24/11 – 28/11	- Nghề sản xuất	1 tuần		
			01/12 – 5/12	- Nghề xây dựng	1 tuần		
			8/12 – 12/12	- Nghề bác sĩ	1 tuần		
			15/12 – 19/12	- Nghề bộ đội, công an	1 tuần		
Tháng 12 - 2 (từ ngày 22/12/2025 đến 23/01/2026)	5	Thế giới Động vật (5 tuần)	22/12 – 26/12	- Động vật nuôi trong gia đình	1 tuần	- Ngày Quân đội nhân dân Việt Nam (22/12/2025) - Tết dương lịch (01/01/2025) - Kết thúc học kì I (15/01/2026) - Bắt đầu học kì II (16/01/2026)	
			29/12 – 02/01	- Động vật sống dưới nước	1 tuần		
			05/01 – 9/01	- Động vật sống trong rừng	1 tuần		
			12/01 – 16/01	- Một số loại chim	1 tuần		
			19/01 – 23/01	- Một số loại côn trùng	1 tuần		
Tháng 02 - 3 (từ ngày 26/01/2026 đến 06/03/2026	6	Thế giới Thực vật (5 tuần)	26/01 – 30/01	- Một số loại cây xanh.	1 tuần	- Ngày thầy thuốc Việt Nam 27/02/2025.). - Tết Nguyên đán 2025. - Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3/2025)	
			02/02 – 6/02	- Một số loại hoa, quả	1 tuần		
			09/02 – 13/02	- Mùa xuân và tết Nguyên Đán	1 tuần		
			23/02 – 27/02	- Một số loại rau	1 tuần		
			02/3 – 6/3	- Ngày hội 8/3	1 tuần		
Tháng 3 - 4 (từ ngày 09/03/2026 đến 03/04/2026)	7	Phương tiện và một số luật giao thông (4 tuần)	9/3 – 13/3	- Phương tiện giao thông đường bộ	1 tuần	- Thi tài năng nhí cấp trường. - Ngày Giỗ tổ Hùng Vương (10/3/2025 âm lịch – 26/4/2025 dương lịch)	
			16/3 – 20/3	- Phương tiện giao thông đường thủy	1 tuần		
			23/3 – 27/03	- Phương tiện giao thông đường không	1tuần		
			30/3 – 3/4	- Luật giao thông	1 tuần		
Tháng 4 - 5 (từ ngày 06/04/2026 đến 24/04/2026)	8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	6/4 – 10/4	- Các hiện tượng tự nhiên	1 tuần	- Ngày giải phóng miền Nam thông nhất đất nước (30/04/2025). - Quốc tế lao động (1/05/2025)	
			13/4 – 17/4	- Nước.	2 tuần		
			20/4 – 24/4				
Tháng 5	9	Quê	4/5 – 8/5	- Quê hương -			

(từ ngày 04/05/2026 đến 22/05/2026)		hương - Đất nước - Bác Hồ - với các cháu thiếu nhi (3 tuần)		Đất nước	1 tuần	Kết thúc học kì II (22/05/2026)	
			11/4 – 15/5	- Bác Hồ - Bác Hồ với các cháu thiếu nhi.	2 tuần		
			18/4 – 22/5				

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
(Kí, ghi rõ họ tên)

Lò Thị Liên

HIỆU TRƯỞNG
(Kí tên, đóng dấu)

U.B.N.D XÃ QUẢNG LÂM TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG MẦM NON QUẢNG LÂM

Lò Thị Hạnh